

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-ST
Ngày 27-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đăng Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Ông Vũ Văn Lầy

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, TP.Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/TLST- HS ngày 28/02/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2020/QĐXXST-HS ngày 05/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1112/2020/QĐST-HS ngày 30/9/2020 đối với các bị cáo:

Nguyễn Thành T, sinh năm 1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 144 H, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân D và bà Vũ Thị D; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/6/2019, tạm giam ngày 08/7/2019 tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, có mặt.

Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Số 1/38A/ 440 C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ 13, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Phạm Thị L; chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị L, có 01 con; có 01 tiền án là: Bản án số 329/HSST ngày 06/11/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 07 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 155 ngày 27/5/1992 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân, Bản án số 42 ngày 06/3/1997 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 03

năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (cả 02 bản án đã được xóa án tích); bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tạm giữ từ ngày 21/9/2019, chuyển tạm giam ngày 30/9/2019, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin vắng mặt .

Lê Đình T, sinh năm 1972, tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Số 8/30 D, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số 6/121 Cát Cụt, phường Hồ Nam, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình Tr và bà Vũ Thị X; có vợ là Phạm Thị N đã ly hôn, có 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Bản án số 119/2006/HSST ngày 10/4/2006 của Tòa án nhân dân quận L, Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 07/01/ 2020, tạm giam ngày 09/01/2020 tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997, cư trú tại: Số 283 P, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 46/33 C, phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Ngọc M, chị Phùng Thị N, ông Phạm Quyết T, chị Đỗ Thanh H, chị Nguyễn Thị Thu H, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 15/6/2019 bị cáo Nguyễn Thành T đặt mua qua mạng xã hội 01 điện thoại di động OPPO Renno và các phụ kiện đi kèm trị giá 12.990.000 đồng. Đến ngày 20/6/2020, anh Nguyễn Văn T là nhân viên giao hàng của Viettelpost Chi nhánh K đã gọi điện cho bị cáo T để giao hàng thì chị Đỗ Thanh H là bạn của T nghe máy và thông báo cho bị cáo T biết. Bị cáo T hẹn anh T giao hàng ở khu vực chân cầu Niệm 2, phường Đồng Hòa, quận K, Hải Phòng. Do không có tiền nên bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt gói hàng nêu trên. T rủ Nguyễn Văn T cùng tham gia và bàn kế hoạch với Tiến: Khi T nhận gói hàng, Tiến sẽ giả danh là Công an vào bắt ma túy đưa Trung và gói hàng đi. Tiến đồng ý. Trung nói cần gọi thêm người nên Tiến gọi điện Lê Đình T đến tham gia để chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 21 giờ 45 phút, bị cáo T điều khiển xe JUPITER Biển kiểm soát (BKS) 16K7-5393 một mình đi trước đến điểm hẹn. Tân điều khiển xe mô tô phân khối lớn YAMAHA màu đen BKS 14A1-0037 chở Tiến đi phía sau cách Trung khoảng 500m. Đến khu vực chân cầu Niệm 2 thuộc tổ Tân Khê, Đồng Hòa, K, Hải Phòng bị cáo T liên lạc và gặp anh T mang gói hàng đến địa điểm trên. Cả hai vào quán nước vỉa hè ngồi, anh T đặt gói hàng lên mặt bàn uống nước thì bị cáo T cầm lên xem. Cùng lúc, Tiến đi đến hô “Tất cả đứng im”. Bị cáo T đã cầm gói hàng bỏ chạy. Anh T hô “cướp” rồi đuổi theo ôm giữ được bị cáo T ngã xuống, khiến gói bưu phẩm bị rơi xuống đất. Tiến và Tân liền đuổi theo anh T hô “Bắt ma túy” và

ghì giữ anh T nằm xuống đất để hỗ trợ cho Nguyễn Thành T nhặt gói hàng bỏ chạy. Anh T hô lên “Chúng mày dàn cảnh để cướp hàng của tao” thì Tân đã dùng tay nắm 2 cái vào người và đầu, Tiến cầm đèn pin đánh vào vùng đầu của anh T. Quá trình xô xát, anh T có làm rơi 01 điện thoại di động VIVO ra ngoài, Tiến có nhặt lên rồi đưa lại cho anh T. Sau khi bị cáo T chạy thoát, Tiến và Tân không khống chế anh T nữa. Cả hai điều khiển xe mô tô BKS 14A1-0037 bỏ đi, để lại hiện trường 01 xe mô tô JUPITER màu đen BKS 16K7-5393.

Ngày 22/6/2019 bị cáo T nhờ anh Phạm Quyết T cầm cố 01 điện thoại di động Oppo Renno tại cửa hàng cầm đồ Trung Hiếu, tại số 3 Tô Hiệu, L, Hải Phòng được 5.000.000 đồng. Trung cho anh Tiến vay 2.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng Trung sử dụng cá nhân.

Ngay sau khi anh T trình báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã thu giữ xe mô tô Yamaha Jupiter BKS 16K7-5393; ngày 29/6/2019 đã khám xét nơi ở của bị cáo T, thu giữ 01 sạc dự phòng nhãn hiệu TEKIN màu tím, 01 loa nhãn hiệu HAVIC màu đỏ, 01 vỏ hộp điện thoại Oppo Reno, 01 điện thoại Huawei màu hồng đã qua sử dụng, lắp Sim số thuê bao 0901532816 và 01 hóa đơn cầm đồ của cửa hàng cầm đồ chiếc điện thoại Oppo Reno tại cửa hàng Trung Hiếu. Thu giữ tại cửa hàng cầm đồ Trung Hiếu 01 điện thoại Oppo Reno 6GB/256GB màu xanh. Ngày 08/7/2019 cơ quan điều tra thu giữ của Lê Đình T 01 xe mô tô Yamaha màu đen BKS 14A1-0037 và đăng ký xe do Phòng PC15 Công an tỉnh Quảng Ninh đứng tên chủ sở hữu; 01 điện thoại Nokia 6700 màu vàng đã qua sử dụng có 01 sim số 0931261972; 01 điện thoại Sam sung màu bạc đã qua sử dụng có sim số 0867703599.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KL-ĐG ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K kết luận: “Giá 01 gói hàng trong đó có: 01 chiếc điện thoại di động chưa qua sử dụng nhãn hiệu Oppo reno màu xanh; 01 chiếc sạc pin dự phòng chưa qua sử dụng màu tím nhãn hiệu Tekin; 01 chiếc loa Bluetooth màu đỏ chưa qua sử dụng, tại thời điểm ngày 20/6/2019 có giá trị là 12.990.000 đồng”.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKSKA ngày 28/02/2020, Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thành T và Lê Đình T về tội Cướp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn T về tội Cướp tài sản quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự (do bị cáo Tiến tái phạm nguy hiểm).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn T và Lê Đình T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản; kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thành T, Lê Đình T về tội Cướp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn T về tội Cướp tài sản quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Thành T từ 05 năm đến 06 năm tù; Lê Đình T từ 03 năm đến 04 năm tù về tội Cướp tài sản. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn T từ 08 năm đến 09 năm tù, về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị tạm giữ.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Việc các bị cáo Tiến và Tân dùng tay, chân và đèn pin đánh anh Nguyễn Văn T, nhưng anh T chỉ bị xây xước nhẹ và từ chối giám định thương tích. Anh T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo T đã cầm cố tài sản của anh Nguyễn Hoàng H, nay anh Hiệp không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thành T 01 điện thoại Huawei màu hồng đã qua sử dụng; trả lại bị cáo Lê Đình T 01 điện thoại Nokia 6700 màu vàng, 01 điện thoại Samsung màu bạc đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Văn T: Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và sự vắng mặt của bị cáo Tiến không gây trở ngại cho việc xét xử, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị xét xử vắng mặt của bị cáo Nguyễn Văn T.

- Về tội danh:

[3] Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản, kết quả dựng lại hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ 45 phút ngày 20/6/2019, các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn T và Lê Đình T đã thực hiện hành vi dùng vũ lực tấn công anh Nguyễn Văn T chiếm đoạt của anh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno, 01 loa Bluetooth nhãn hiệu HAVIC, 01 sạc điện dự phòng nhãn hiệu TEKIN tổng trị giá 12.990.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm Điều 168 Bộ luật Hình sự, phạm tội “Cướp tài sản”. Trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 12.990.000 đồng hành vi của bị cáo Nguyễn Thành T và bị cáo Lê Đình T đã vi phạm khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội trong trường hợp đã có Bản án số 329/HSST ngày 06/11/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 07 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tại Bản án này bị cáo Nguyễn Văn T đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích, lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, nên lần phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Hải Phòng đã truy tố các bị cáo về tội danh theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, vụ án xảy ra có đồng phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe, tài sản của công dân. Đây là những quyền chính đáng, cơ bản của con người được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, pháp luật yêu cầu phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt, vai trò và nhân thân của các bị cáo:

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Thành T là người khởi xướng, bàn bạc với Nguyễn Văn T và thực hiện hành vi cướp tài sản của anh T. Sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo đã nhờ người cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Việc áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo.

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T đã được Nguyễn Thành T bàn bạc thực hiện hành vi cướp tài sản và là người thực hành tích cực. Khi bị cáo T đang cầm gói hàng điện thoại lên xem, bị cáo Tiến đi đến hô “Tất cả đứng im” “bọn này buôn ma túy”, thì bị cáo T cầm gói hàng bỏ chạy. Anh T hô “Cướp” rồi đuổi theo ôm giữ bị cáo T, thì bị cáo Tiến và Tân đã tấn công anh T để bị cáo T chiếm đoạt tài sản. Vai trò của bị cáo Nguyễn Văn T trong vụ án là đứng thứ hai sau bị cáo Nguyễn Thành T. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội trong trường hợp đã có 01 tiền án là Bản án số 329/HSST ngày 06/11/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tại bản án này bị cáo đã tái phạm nguy hiểm

chưa được xóa án tích, lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, nên lần phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm. Do đó, Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã 03 lần bị kết án, trong đó có 02 bản án đã được xóa án tích, vì vậy phải đánh giá bị cáo có nhân thân xấu. Cần áp dụng điểm h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Đối với bị cáo Lê Đình T thực hiện hành vi với vai trò bị rủ rê, lôi kéo thực hiện hành vi đánh người có mâu thuẫn với Nguyễn Thành T. Nhưng khi bị cáo Nguyễn Thành T và anh Nguyễn Văn T đang giằng co, vật lộn, anh T đã hô cướp, chúng mày dàn cảnh để cướp hàng của tao... Tiến và Tân liền lao vào ôm giữ và đánh anh T để bị cáo T chiếm đoạt tài sản và chạy thoát. Hành vi của Lê Đình T là bột phát, bị động, vai trò là người giúp sức đứng sau bị cáo Nguyễn Thành T và bị cáo Nguyễn Văn T. Việc áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án nghiêm và cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo, nhưng ở mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn T và Lê Đình T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa (đối với bị cáo T và Tân) thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn T và Lê Đình T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T có mẹ là người có công trong thời kỳ chống Pháp được tặng giấy khen, vì vậy, bị cáo Tiến được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Đối với anh Phạm Quyết T đã giúp bị cáo Nguyễn Thành T cầm cố 01 điện thoại Oppo Reno và Nguyễn Hoàng H nhận cầm cố chiếc điện thoại nói trên đều không biết là tài sản do Nguyễn Thành T phạm tội mà có; chị Đỗ Thanh H, không biết việc Nguyễn Thành T và các đồng phạm chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T, nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo T cầm cố điện thoại vay của anh Nguyễn Hoàng H, anh Hiệp không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về vật chứng trong vụ án:

[12] Chiếc xe mô tô YAMAHA Jupiter BKS 16K7-5393 là phương tiện của Nguyễn Thành T sử dụng để đi cướp tài sản, hiện chưa xác định được chủ sở hữu; 01 xe mô tô YAMAHA BKS 14A1-0037 đăng ký thuộc sở hữu của Phòng PC15 Công an tỉnh Quảng Ninh, là phương tiện Lê Đình T, Nguyễn Văn T sử dụng đi cướp tài sản, hiện chưa có công văn trả lời của Công an tỉnh Quảng Ninh, nên Cơ quan điều tra Công an quận K tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

[13] Đối với 01 điện thoại Huawei màu hồng đã qua sử dụng thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thành T; 01 điện thoại Nokia 6700 màu vàng, 01 điện thoại Samsung màu bạc đã qua sử dụng của Lê Đình T không dùng vào việc phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

[14] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn T và Lê Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (Tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 21 tháng 9 năm 2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168, Điều 17; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 29 tháng 6 năm 2019;

- Xử phạt bị cáo Lê Đình T 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 07 tháng 01 năm 2020.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại Nguyễn Thành T 01 điện thoại Huawei màu hồng đã qua sử dụng; trả lại Lê Đình T 01 điện thoại Nokia 6700 màu vàng, 01 điện thoại Samsung màu bạc đã qua sử dụng. Theo Biên bản giao vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành T và Lê Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm;

Các bị cáo Nguyễn Thành T, Lê Đình T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận K;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an Q.K;
- Chi cục THA dân sự K;
- Lưu: Hồ sơ, VT, HCTP.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Đăng Trình